TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87** /2020/HC-PT
Ngày: 26 - 6 - 2020
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 101/2020/TLPT-HC ngày 09/01/2020, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1048/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; vắng mặt lần thứ hai.

- Ông Trần Hải L, sinh năm 1980; địa chỉ: tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên, là ông Võ Đình T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Đình T, chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Phú Yên; *Người đại điện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt lần thứ 2

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị kiện: Ông Đinh T - Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên có ông Lê Văn D, chủ tịch UBND xã; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974; địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977; địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện cũng như tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn K, bà Lê Thị H (cha, mẹ của ông Nguyễn Văn T) có sử dụng diện tích 1.275m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 1.025m^2 đất cây lâu năm). Đến năm 2007 thì ông K chết, vào ngày 09/9/2012 ông T cùng các anh, chị em trong gia đình gồm Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh H lập biên bản họp gia đình thống nhất giao toàn bộ đất và nhà cho

ông T thừa hưởng kèm theo điều kiện nuôi dưỡng tốt mẹ Lê Thị H có xác nhận của chính quyền xã H. Đến năm 2013 thì bà Lê Thị H chết.

Đến ngày 16/11/2016, UBND huyện Đ có quyết định số 4618/QĐ- UBND thu hồi diện tích đất của gia đình ông T để thực hiện Dự án nhà máy lọc dầu H. Tuy nhiên, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện không lập hồ sơ về bồi thường hỗ trợ tái định cư cho ông T.

Ngày 10/4/2017, ông T có đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ xin cấp đất tái định cư khi thu hồi đất thì Trung tâm phát triển quỹ đất trả lời bằng Văn bản số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018, không công nhận yêu cầu của ông T. Ông T tiếp tục ủy quyền cho con trai là Nguyễn Thanh Q gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ, vào ngày 21/02/2018, Chủ tịch UBND huyện Đ có Quyết định giải quyết khiếu nại số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018.

Do không đồng ý với việc giải quyết của UBND huyện Đ và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ nên ông T yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định số hành chính số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Công văn số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ v/v trả lời đơn khiếu nại của ông T, yêu cầu Tòa công nhận quyền sử dụng đất đã được Nhà nước thu hồi cho ông T và thực hiện đền bù đúng quy định.

- *Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ và UBND huyện Đ trình bày*: để thực hiện Dự án lọc dầu V giai đoạn 2, xây dựng nhà máy tại xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 v/v thu hồi diện tích đất 1.275m^2 (trong đó 250m^2 đất ở và 1.025m^2 đất cây lâu năm) tại thửa 52, tờ bản đồ 117-B, thửa trích đo số 51, tại xã H, huyện Đ của ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1 [là những người đại diện cho ông Nguyễn K (chết), bà Lê Thị H (chết)] nhưng không bố trí tái định cư. Tại thời điểm thu hồi đất 2016, hộ khẩu ông Nguyễn K theo Sổ hộ khẩu NK3a do Công an xã H cấp ngày 30/11/2006 chỉ có ông Nguyễn K (chết 2007) và bà Lê Thị Hẽ (chết 2013). Mặt khác ông Nguyễn Văn T đang có nhà ở ổn định và đăng ký hộ khẩu tại xã H, huyện Đ, không cùng chung sống trên thửa đất bị thu hồi của ông K, bà Hẽ nên không phải di chuyển chỗ ở. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 79, 86 của Luật đất đai 2013 thì trường hợp của ông Nguyễn Văn T không có cơ sở để bố trí tái định cư. Do đó, việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường để

thực hiện nhà máy lọc dầu V tại xã H, huyện Đ đối với gia đình ông T là đúng quy định pháp luật; Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3813/QĐ- UBND ngày 03/8/2018 là có căn cứ theo quy định pháp luật.

- *Người bị kiện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ trình bày*: Ngày 16/11/2016, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 4616/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu V tại xã H, huyện Đ đối với thửa 51, tờ bản đồ trích đo 02, thuộc thửa số 52, tờ bản đồ địa chính số 117-B của ông Nguyễn K (chết) và bà Nguyễn Thị Hẽ (chết), do ông Nguyễn Văn T đại diện. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu cấp đất tái định cư cho gia đình ông, tuy nhiên ông T không thuộc trường hợp phải bố trí tái định cư, căn cứ theo công văn số 1680/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 22/9/2017 của Tổng cục quản lý đất đai thuộc Bộ Tài Nguyên và Môi trường thì Trung tâm phát triển quỹ đất đã ban hành Văn bản số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018 để báo cáo cho UBND huyện Đ biết theo Công văn số 1821/UBND-BTD ngày 14/4/2017 của UBND huyện Đ và giải thích cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T được biết. Trung tâm phát triển quỹ đất đồng tình với quan điểm của UBND huyện Đ và cho rằng việc ban hành Công văn số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018 là đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Đại diện UBND xã H trình bày*: Quá trình thực hiện quy chủ và xét về nguồn gốc đất của gia đình ông T để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V tại xã H là đúng quy trình. Trước và sau khi UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất số 4618/QĐ-UBND, ngày 16/11/2016 về việc thu hồi diện tích đất của gia đình cụ K, cụ H thì các anh, chị, em của ông T xảy ra tranh chấp. Do vậy, UBND xã H họp xét quy chủ nguồn gốc đất giao lại cho tất cả các anh, chị, em ông T là hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ H để nhận di sản của hai cụ để lại. UBND xã H đồng tình với quan điểm giải quyết vụ kiện của Chủ tịch UBND huyện Đ.

- Các ông, bà Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị S đều đồng tình theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 140 của Bộ luật Dân sự và các Điều 30, 32, 60, 116, 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, đồng thời bố trí đất tái định cư khi thu hồi đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 117-B (thửa trích đo số 51, tờ bản đồ Trích đo 02), diện tích 1.275m^2, tọa lạc tại thôn Phước Long, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vì không có căn cứ.

Không hủy phần có liên quan của Quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu V tại xã H, huyện Đ và quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1 (những người đại diện của ông Nguyễn K, bà Lê Thị Hẽ) của UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Văn bản hành chính số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24-10-2019 Ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm với các yêu cầu như sau:

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ

+ Hủy Quyết định thu hồi đất số 4618/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND huyện Đ, tỉnh Phú Yên vì không đúng đối tượng sử dụng đất.

+ Công nhận quyền sử dụng thửa đất diện tích đất 1.275m^2 tại thửa 52, tờ bản đồ 01, tại xã H, huyện Đ là của ông Nguyễn Văn T do được Mẹ và các em của ông cho theo thỏa thuận ngày 09/9/2012.

+ Yêu cầu bồi thường bằng đất và bố trí 01 lô tái định cư cho ông T.

Tại giai đoạn phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng

hành chính; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa; trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện: ông Nguyễn K, bà Lê Thị H (cha, mẹ của ông Nguyễn Văn T) có sử dụng diện tích 1.275m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở, 1.025m^2 đất cây lâu năm). Đến năm 2007 thì ông K chết, vào ngày 09/9/2012 ông T cùng các anh, chị em trong gia đình gồm Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh H lập Biên bản họp gia đình thống nhất giao toàn bộ đất và nhà cho ông T thừa hưởng kèm theo điều kiện nuôi dưỡng tốt mẹ Lê Thị H có xác nhận của chính quyền xã H. Đến năm 2013 thì bà Lê Thị H chết.

Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 v/v thu hồi diện tích đất 1.275m^2 (trong đó 250m^2 đất ở và 1.025m^2 đất cây lâu năm) tại thửa 52, tờ bản đồ 117-B, thửa trích đo số 51, tại xã H, huyện Đ của ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1 [là những người đại diện cho ông Nguyễn K (chết), bà Lê Thị H (chết)], việc thu hồi không bố trí tái định cư.

Ngày 10/4/2017, ông T có đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ xin cấp đất tái định cư khi thu hồi đất thì Trung tâm phát triển quỹ đất trả lời bằng Văn bản số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018, không công nhận yêu cầu của ông T. Ông T tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện Đ có Quyết định giải quyết khiếu nại số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018. Ông T khởi kiện vụ án hành chính.

[2] Xét kháng cáo:

2.1 Xét kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 4618/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 với lý do thu hồi không đúng đối tượng thì thấy Quyết định 4618 đã thu hồi 1.275m^2 thửa đất số 52, thuộc tờ bản đồ số 117-B, thửa trích đo số 51 tại xã H, huyện Đ của ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T (là những người con của ông Nguyễn K với bà H). Thửa đất số 52 này là của ông Nguyễn K và bà Lê Thị H, vào ngày 09/9/2012 anh em của ông T có lập biên bản họp gia đình giao thửa đất này cho ông T thừa kế, tuy nhiên thời điểm đó bà Lê Thị H còn sống không có ký hay điểm chỉ vào văn bản có nội dung thừa kế này. Sau khi bà H chết thì những người thuộc diện được hưởng thừa kế chưa có sự phân chia di sản theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy

Quyết định thu hồi đất đã đưa tên toàn bộ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của 02 ông bà Nguyễn K và Lê Thị H vào quyết định thu hồi đất là đúng, đầy đủ đối tượng và đảm bảo quyền lợi của những người trong diện được hưởng thừa kế. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu này của người khởi kiện là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ thì thấy: Tại thời điểm thu hồi đất 2016, hộ khẩu ông Nguyễn K theo Sổ hộ khẩu NK3a do Công an xã H cấp ngày 30/11/2006 chỉ có ông Nguyễn K (chết 2007) và bà Lê Thị Hẽ (chết 2013). Mặt khác ông Nguyễn Văn T đang có nhà ở ổn định và đăng ký hộ khẩu tại xã H, huyện Đ, không cùng chung sống trên thửa đất bị thu hồi của ông K, bà Hẽ, không phải di chuyển chỗ ở. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 79, 86 của Luật đất đai 2013 thì trường hợp của ông Nguyễn Văn T không có cơ sở để bố trí tái định cư. Do đó, việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện nhà máy lọc dầu V tại xã H, huyện Đ đối với gia đình ông T là đúng quy định pháp luật; Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 là có căn cứ theo quy định pháp luật. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo về nội dung này của người khởi kiện.

[2.3] Xét thấy lý do và mục đích của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 4618 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3813 là để đạt yêu cầu được công nhận quyền sử dụng thửa đất diện tích đất 1.275m^2 tại thửa 52, tờ bản đồ 01, tại xã H, huyện Đ là của ông Nguyễn Văn T do được Mẹ và các em của ông cho theo thỏa thuận ngày 09/9/2012 và yêu cầu bồi thường bằng đất và bố trí 01 lô tái định cư cho ông T. Tuy nhiên từ những nhận định cho thấy các quyết định hành chính bị khởi kiện đều có căn cứ, đúng pháp luật; cho nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nêu trên của Người khởi kiện.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm có đầy đủ căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Kháng cáo của Người khởi kiện không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 23 -10 -2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 3813/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, đồng thời bố trí đất tái định cư khi thu hồi đất tại thửa số 52, tờ bản đồ số 117-B (thửa trích đo số 51, tờ bản đồ Trích đo 02), diện tích 1.275m^2, tọa lạc tại thôn Phước Long, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 4616/QĐ-UBND, ngày 16/11/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu V tại xã H, huyện Đ và quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 về việc thu hồi đất đối với ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1 (những người con của ông Nguyễn K, bà Lê Thị Hẽ), của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, hủy Văn bản hành chính số 12/TTPTQĐ ngày 15/01/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000067 ngày 31/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Vụ III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long